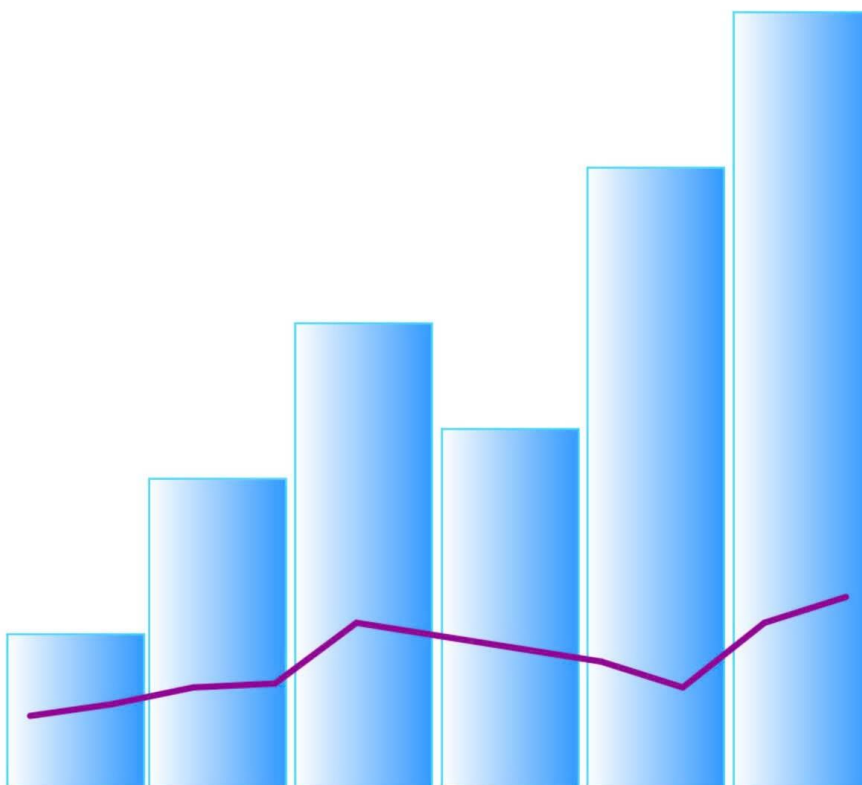




TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ YÊN

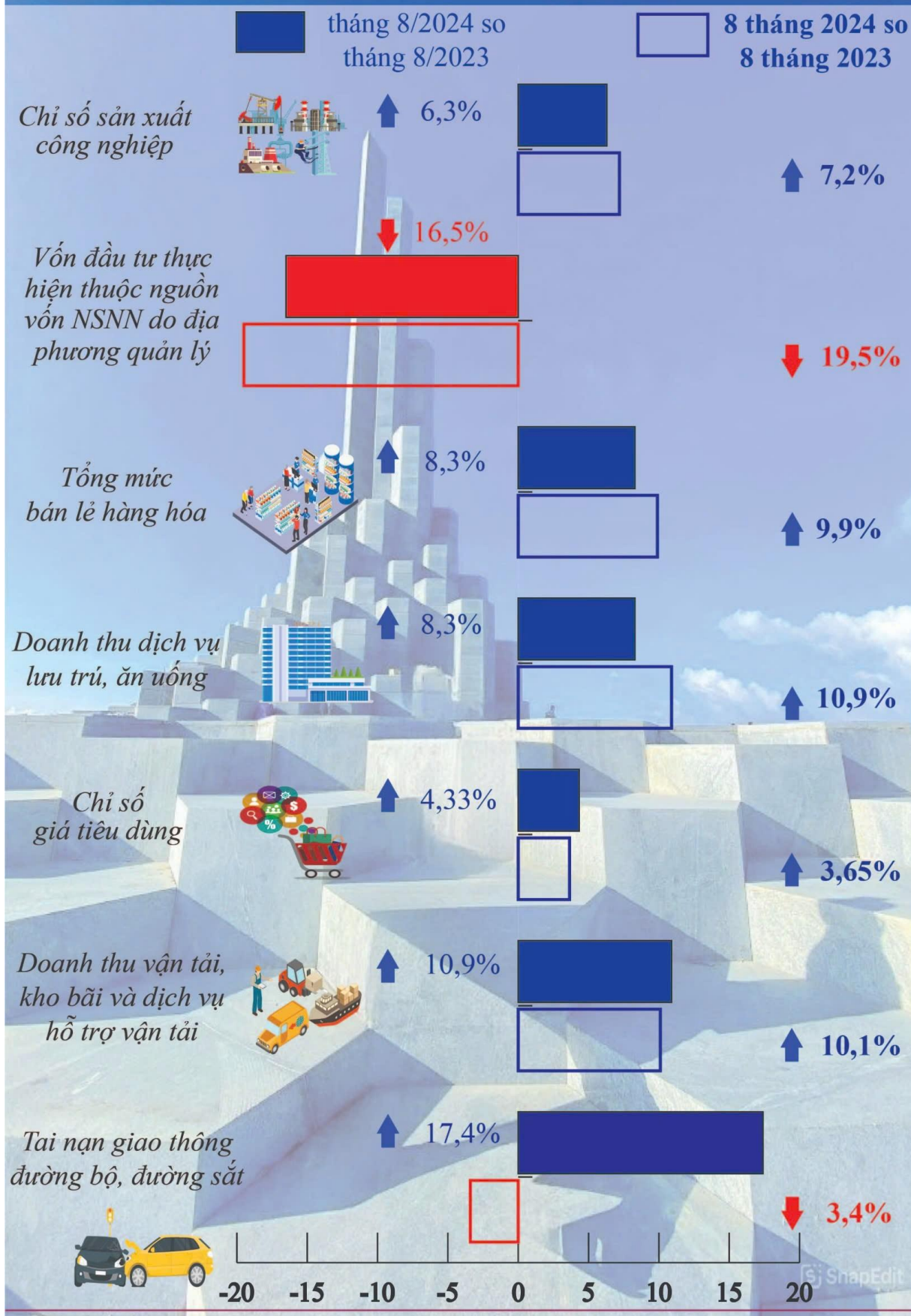
BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 8 NĂM 2024



TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU

Ước tính tháng 8 và 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



Số: /BC-CTK

Phú Yên, ngày tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2024

Tháng 8/2024, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định, tỉnh tổ chức chuỗi các sự kiện phục vụ chương trình kích cầu, thu hút khách du lịch hè năm 2024; tình hình thương mại dịch vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân; khu vực công nghiệp tiếp tục phát triển; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chính sách an sinh xã hội đối với người có công, hộ nghèo theo quy định được thực hiện kịp thời. Bên cạnh đó một số chỉ tiêu giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sản lượng một số cây hàng năm như: Ngô giảm 1,3%; sắn giảm 2,1%; rau các loại giảm 2,2%; đậu các loại giảm 19%; số lượng đàn trâu giảm 7,9%, bò giảm 2,7%; sản lượng gỗ khai thác giảm 52,5%; diện tích thả nuôi thủy sản giảm 2,8%; vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý giảm 16,5%. Dự ước tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tháng 8/2024 như sau:

1. Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tính đến ngày 15/8/2024, toàn tỉnh đã gieo sạ xong lúa vụ hè thu với 24.740,8 ha, giảm 0,1% so với vụ hè thu năm trước, lúa đang giai đoạn đồng – chín sạ. Số lượng đàn trâu giảm 7,9%, bò giảm 2,7%; đàn lợn tăng 0,1%; đàn gia cầm tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ khai thác 27,6 ngàn m³, bằng 47,5%; sản lượng củi 21 ngàn ster, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích thả nuôi thủy sản trong tháng dự ước 155 ha, giảm 2,8%. Sản lượng thủy sản trong tháng dự ước 7.304 tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước.

1.1. Nông nghiệp

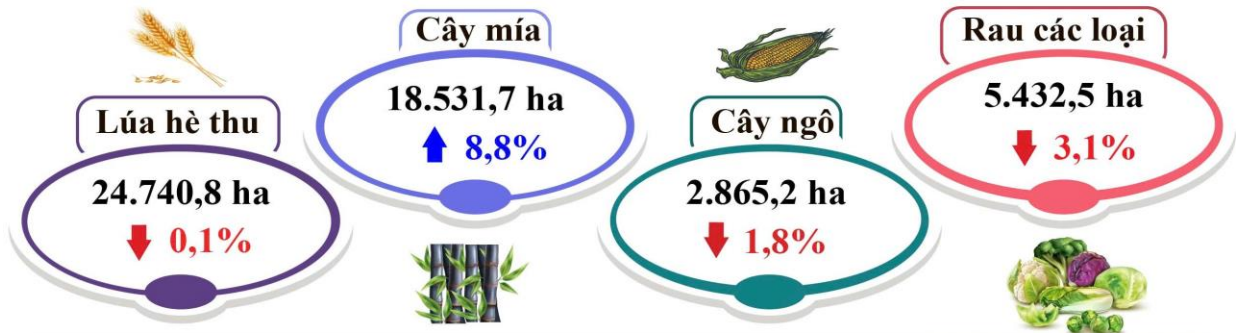
- Lúa hè thu: Diện tích đã gieo sạ 24.740,8 ha, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm trước với cơ cấu giống: ML49, ML48, ML213, BDR27, ĐV108,... 564 ha diện tích lúa trà sớm đã bắt đầu được thu hoạch, bao gồm: thị xã Sông Cầu (227 ha), huyện Đồng Xuân (27 ha), thị xã Đông Hòa (300 ha); huyện Tuy An (10 ha); năng suất dự ước 55 tạ/ha. Lúa đang ở giai đoạn đồng - chín sạ.

- Lúa vụ mùa: Cùng với việc chăm sóc lúa vụ hè thu, bà con ở các địa phương có lúa rẫy đã chuẩn bị xong khâu làm đất và gieo sạ 1.164 ha, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước tại thị xã Sông Cầu (614 ha) và huyện Tuy An (550 ha).

- Tính đến ngày 15/8/2024, các địa phương trên toàn tỉnh đã gieo trồng được 2.865,2 ha ngô, giảm 1,8%; mía 18.531,7 ha, tăng 8,8%; rau các loại 5.432,5 ha, giảm 3,1%; đậu các loại 1.182,1 ha, giảm 24% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích mía tăng do nông dân chuyển đổi diện tích từ cây sắn và một số cây hàng năm qua trồng mía. Sản lượng một số cây hàng năm như: Ngô 11.894 tấn, giảm 1,3%; mía 952.846 tấn, tăng 3,3%; sắn 352.874 tấn, giảm 2,1%; rau các loại 72.468,1 tấn,

giảm 2,2%; đậu các loại 1.660,2 tấn, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước.

Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm
Tính đến ngày 15/8/2024 so với cùng kỳ năm trước



- Sản lượng thu hoạch một số cây công nghiệp lâu năm: Hồ tiêu 658,4 tấn, tăng 3%; cao su 3.534,6 tấn, giảm 3,3%; điều 65,7 tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng một số loại cây ăn quả chủ yếu: Chuối 11.336 tấn, tăng 0,8%; dứa 9.850,4 tấn, giảm 0,5%; xoài 622 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng một số cây lâu năm chủ yếu
Ước tính 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

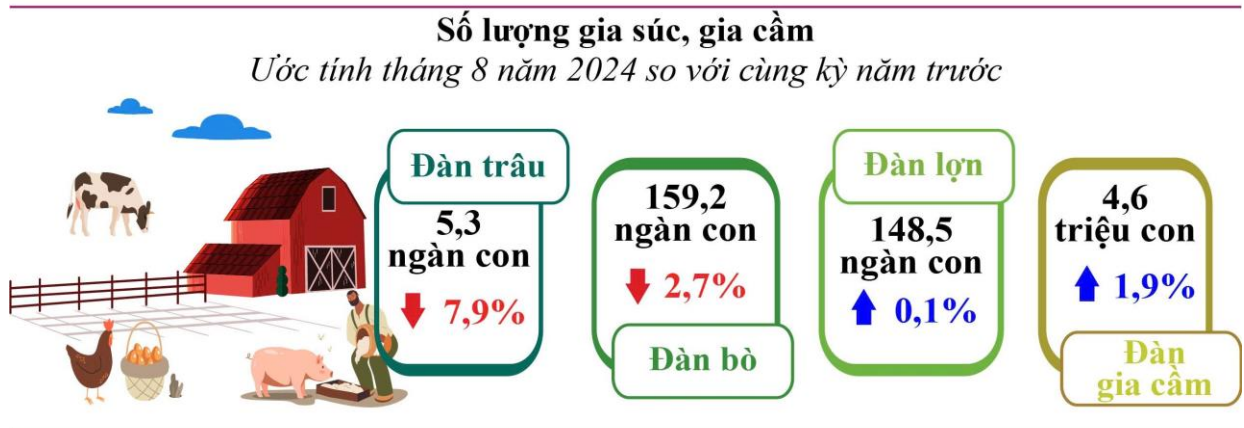


- Về tình hình sâu bệnh hại cây trồng tính đến thời điểm ngày 14/8/2024: Cây lúa vụ Hè Thu: Chuột gây hại 118 ha; bệnh khô vằn gây hại 353,5 ha; bệnh sâu đục thân gây hại 89,2 ha; bệnh đen lép hạt gây hại 49,7 ha; bệnh thối thân gây hại 35,3 ha; bệnh thối bẹ gây hại 15 ha; bọ xít đen gây hại 83 ha; rầy gây hại 147 ha; sâu cuốn lá nhỏ gây hại 19,5 ha. Cây sắn: Bệnh khảm lá virus gây hại 13.957 ha, chiếm 61,8% diện tích trồng; nhện đỏ gây hại 15 ha. Cây mía: Sâu đục thân gây hại 78 ha ở giai đoạn sinh trưởng cây con – vườn lóng tại huyện Sơn Hòa. Ngoài ra, bệnh trắng lá mía và bệnh than gây hại rải rác ở các xã của huyện Sông Hinh, Sơn Hòa.

- Về công tác giống cây trồng: Trung tâm Giống Nông nghiệp thực hiện khảo nghiệm diện hẹp, khảo nghiệm diện rộng và khảo nghiệm DUS các giống lúa mới phù hợp với điều kiện sản xuất tỉnh Phú Yên và các tỉnh miền Trung; thực hiện sản xuất lúa giống nguyên chủng cung ứng cho nông dân, với diện tích hơn 22,5 ha/vụ, gồm giống lúa: PY8, PY10, ĐV108, ML213, CH133, OM269-65, ML213,...; cây chuyên, nhân nhanh và lưu mẫu các giống sắn invitro HN1, HN5, C83 nhận từ Viện Di truyền học.

- Chăn nuôi: Dự ước số lượng đàn trâu giảm 7,9%, đàn bò giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước; đàn lợn tăng 0,1%; đàn gia cầm tăng 1,9%, trong đó: Đàn gà tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 8/2024, sản lượng thịt trâu xuất chuồng

dự ước 19 tấn, tăng 2,8%; thịt bò 1.240 tấn, tăng 0,8%; thịt lợn 1.862 tấn, tăng 4,6%; thịt gia cầm 1.350 tấn, tăng 3,8%, trong đó thịt gà 1.254 tấn, tăng 1,1%; sản lượng trứng gia cầm 19 triệu quả, tăng 2,7%, trong đó trứng gà 4,1 triệu quả, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế tính từ đầu năm đến nay, thịt trâu xuất chuồng dự ước 220 tấn, tăng 0,9%; thịt bò 11.700 tấn, giảm 1,3%; thịt lợn 14.315 tấn, tăng 2,7%; thịt gia cầm 12.306 tấn, tăng 2,1%, trong đó thịt gà 10.340 tấn, tăng 2,1%; sản lượng trứng gia cầm 131,8 triệu quả, tăng 2,7%, trong đó trứng gà 35,2 triệu quả, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước.



+ Về tình hình dịch bệnh: Công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, công tác thú y luôn được các cấp, các ngành quan tâm, ý thức phòng chống dịch bệnh của các hộ chăn nuôi thường xuyên được coi trọng, không xảy ra các bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, viêm da nổi cục trâu bò, lở mồm long móng (LMLM),....

+ Về công tác tiêm phòng vắc xin cho gia súc gia cầm đợt II/2024 từ ngày 15/8/2024: Lở mồm long móng trâu, bò đã tiêm 1.575 con; tiêm vắc xin tụ huyết trùng được 450 con. Cúm gia cầm đã tiêm được 34.000 con, trong đó: Vắc xin Nhà nước hỗ trợ 2 huyện có nguy cơ cao Đông Hòa, Phú Hòa là 14.500 con; vắc xin người dân mua tiêm 19.500 con.

+ Lũy kế cả 2 đợt tiêm phòng kết quả: Lở mồm long móng trâu, bò đã tiêm 89.512 con, tiêm vắc xin tụ huyết trùng được 18.175 con. Cúm gia cầm đã tiêm được 310.700 con (vắc xin được Nhà nước hỗ trợ 2 huyện có nguy cơ cao Đông Hòa, Phú Hòa: 237.500 con, vắc xin người dân tự mua tiêm 73.200 con), tiêm vắc xin viêm da nổi cục được 60.824 con, tiêm vắc xin dại chó, mèo được 20.618 con (Nhà nước hỗ trợ vắc xin tiêm 1.799 con, vận động người dân mua vắc xin tiêm 18.819 con).

1.2. Lâm nghiệp

Dự ước trong tháng 8, diện tích rừng trồng mới tập trung 70 ha, bằng 33,2%; sản lượng khai thác gỗ 27,6 ngàn m³, bằng 47,5%; sản lượng củi 21 ngàn ster, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 8 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung 842 ha, giảm 32,2%; sản lượng gỗ 312,9 ngàn m³, tăng 52,1%; sản lượng củi khai thác 57 ngàn ster, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng gỗ rừng trồng gồm các đơn vị khai thác như: BQL rừng phòng hộ Đồng Xuân, BQL rừng phòng hộ Sông Cầu, BQL rừng phòng hộ Tây Hòa, các doanh nghiệp và hộ gia đình tập trung vào khai thác khoảng 3.659 ha diện tích rừng trồng tập trung và khai thác gỗ từ vườn rừng cây trồng phân tán.



Tổng số vụ vi phạm từ đầu năm đến nay 112 vụ, giảm 32,5% (giảm 54 vụ) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: 55 vụ phá rừng trái pháp luật, diện tích thiệt hại 10,99 ha (gồm: 0,2 ha rừng khoanh nuôi tái sinh, 4,15 ha rừng sản xuất; 1,15 ha rừng phòng hộ; 5,49 ha rừng đặc dụng); 52 vụ khai thác, vận chuyển, tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật và vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng; 7 vụ cháy rừng, thiệt hại 20,78 ha (rừng sản xuất 15,53 ha, rừng không quy hoạch lâm nghiệp 8,25 ha).

Xử lý vi phạm 121 vụ, chuyển xử lý hình sự 14 vụ; xử lý hành chính 107 vụ (trong đó: 34 vụ khắc phục hậu quả, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên diện tích 2,79 ha do không xác định được đối tượng phá rừng), lâm sản tịch thu 87,18 m³ gỗ các loại (gỗ thông thường 85,39 m³, gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIa: 1,79 m³). Tiền nộp ngân sách Nhà nước 919,95 triệu đồng (trong đó: Tiền bán tang vật, phương tiện 835,75 triệu đồng, tiền phạt vi phạm hành chính 84,2 triệu đồng).

1.3. Thủy sản

- Trong tháng diện tích thả nuôi dự ước 155 ha, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá 5 ha, tăng 0,9%; tôm 103 ha, giảm 4,5%; thủy sản các loại 48 ha, tăng 0,9%. Tính chung diện tích thả nuôi 8 tháng dự ước 2.660 ha, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá 223 ha, tăng 1,7%; tôm 2.149 ha, tăng 0,6%, thủy sản khác 288 ha, tăng 0,2%.

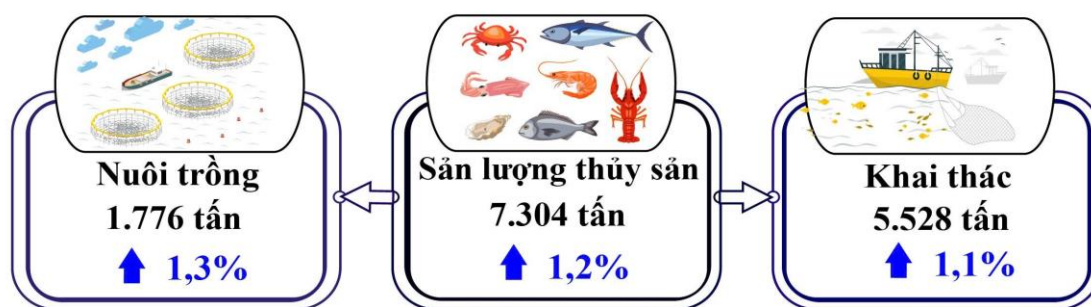
- Sản xuất giống tôm thẻ Post 15 trong tháng đạt 60 triệu con, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 8 tháng sản xuất 812 triệu con, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Sản lượng thủy sản tháng 8 dự ước 7.304 tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá 5.325 tấn, tăng 1,1%; tôm 1.623 tấn, tăng 0,1%; thủy sản khác 356 tấn, tăng 8,2%. Chia ra:

+ Sản lượng thủy sản khai thác 5.528 tấn, tăng 1,1%, trong đó: Cá các loại 5.209 tấn, tăng 1%; tôm 33 tấn, tăng 3,1%; thủy sản các loại 286 tấn, tăng 3,6%. Trong tổng sản lượng cá khai thác, cá ngừ đại dương 285 tấn, chiếm 5,5% và tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước

+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng 1.776 tấn, tăng 1,3%, trong đó: Cá 116 tấn, tăng 4,5%; tôm 1.590 tấn, bằng 100%; thủy sản các loại 70 tấn, tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản
Ước tính tháng 8 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



- Lũy kế 8 tháng, sản lượng thủy sản 69.032 tấn, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá 51.708 tấn, tăng 3,7%; tôm 10.927 tấn, tăng 4,6%; thủy sản khác 6.397 tấn, tăng 2,1%. Chia ra:

+ Sản lượng thủy sản khai thác 56.548 tấn, tăng 3,2%, trong đó: Cá các loại 50.363 tấn, tăng 3,4%; tôm 365 tấn, tăng 6,4%; thủy sản các loại 5.820 tấn, tăng 1,6%. Trong tổng sản lượng cá khai thác, cá ngừ đại dương 3.373 tấn, chiếm 6,7% và tăng 27,1% so với cùng kỳ năm trước;

+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng 12.484 tấn, tăng 6%, trong đó: Cá 1.345 tấn, tăng 17,7%; tôm 10.562 tấn, tăng 4,6%; thủy sản các loại 577 tấn, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình dịch bệnh trên nuôi trồng thủy sản: Diện tích tôm nuôi nhiễm bệnh 44,5 ha (trong đó: 29 ha bị hoại tử gan tụy cấp; 13 ha bị đốm trắng) tập trung ở thị xã Đông Hòa 33,5 ha, huyện Tuy An 10 ha, thị xã Sông Cầu 01 ha và 02 ha cá bị bệnh hoại tử thần kinh. Các ngành chức năng đã hướng dẫn các biện pháp phòng và chữa bệnh, cấp thuốc sát trùng Sodium Chlorite 20% để xử lý hồ nuôi, tiếp tục theo dõi không để dịch bệnh lây lan sang diện rộng..

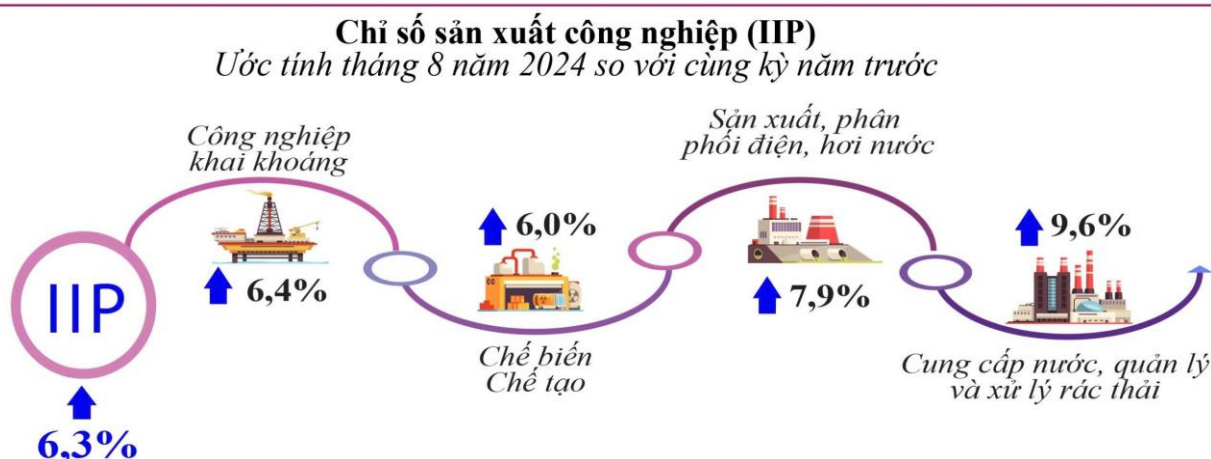
2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 8/2024 các Sở, ban, ngành tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất và thu hút đầu tư vào ngành sản xuất công nghiệp, qua đó thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 8/2024 tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 6,4%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6%⁽¹⁾; ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 7,9%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 9,6%. Tính chung 8 tháng năm 2024 chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 7,2%, trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 8%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,3%;

¹ Một số ngành công nghiệp cấp II tăng so với cùng kỳ năm trước vì các doanh nghiệp đã nhận được hợp đồng ký kết sản xuất với số lượng lớn và tăng như sau: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 18,3%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 17,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 15,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 10,8%; sản xuất trang phục tăng 7,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 7,6%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 6,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 6,8%.

ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 6,9%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước.



Trong tháng 8/2024 một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ngành công nghiệp tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ, cải tiến mẫu mã sản phẩm, chất lượng và đã nhận các đơn đặt hàng của đối tác trong và ngoài nước, từ đó ổn định sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng làm cho một số sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng: Hải sản chế biến các loại 1.835 tấn, tăng 15,1%; ván lạng gỗ các loại 658 tấn, tăng 9,5%; phân bón các loại 5.168 tấn, tăng 9,4%; dăm gỗ các loại 11.056 tấn, tăng 9,1%; điện thương phẩm 108 triệu kwh, tăng 8%; nhân hạt điều 1.628 tấn, tăng 7,4%; đá xây dựng các loại 86,9 ngàn m³, tăng 7%; linh kiện điện tử 79 triệu sản phẩm, tăng 6,8%; trang in các loại 196 triệu trang, tăng 6,5%; nước uống được 1,4 triệu m³, tăng 6,4%; quần áo các loại 1,6 triệu sản phẩm, tăng 5,6%; điện sản xuất 239,9 triệu kwh, tăng 5,3%; thuốc viên các loại 205 triệu viên, tăng 5,1%; nước đá các loại 63,3 ngàn tấn, tăng 4,7%; tinh bột sắn 2.500 tấn, tăng 4,2%; viên nén gỗ các loại 935 m³, tăng 3,7%; nước mắm các loại 1,8 triệu lít, tăng 3,7%; bia các loại 3,8 triệu lít, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm sản xuất giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, sự cạnh tranh gay gắt của sản phẩm trên thị trường: Xi măng các loại 6.500 tấn giảm 6,6%; mây tre lá các loại 39 ngàn sản phẩm, giảm 2,5%; so với cùng kỳ năm trước.



Tính chung 8 tháng năm 2024 một số sản phẩm sản xuất tăng: Tinh bột sắn 57.195 tấn, tăng 41,6%; hải sản các loại 12.421 tấn, tăng 16%; quần áo các loại 12,9 triệu sản phẩm, tăng 14%; đường kết tinh các loại 165.512 tấn, tăng 11,2%; dăm gỗ các loại 93.614 tấn, tăng 11%; điện thương phẩm 768,2 triệu kwh, tăng 9,6%; đá xây dựng các loại 623.285 m³, tăng 8,6%... Một số sản phẩm sản xuất giảm: Xi măng các loại 41.342 tấn, giảm 10,2%; bia các loại 29,7 triệu lít, giảm 6,9%; thuốc viên các loại 1.596 triệu viên, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước.

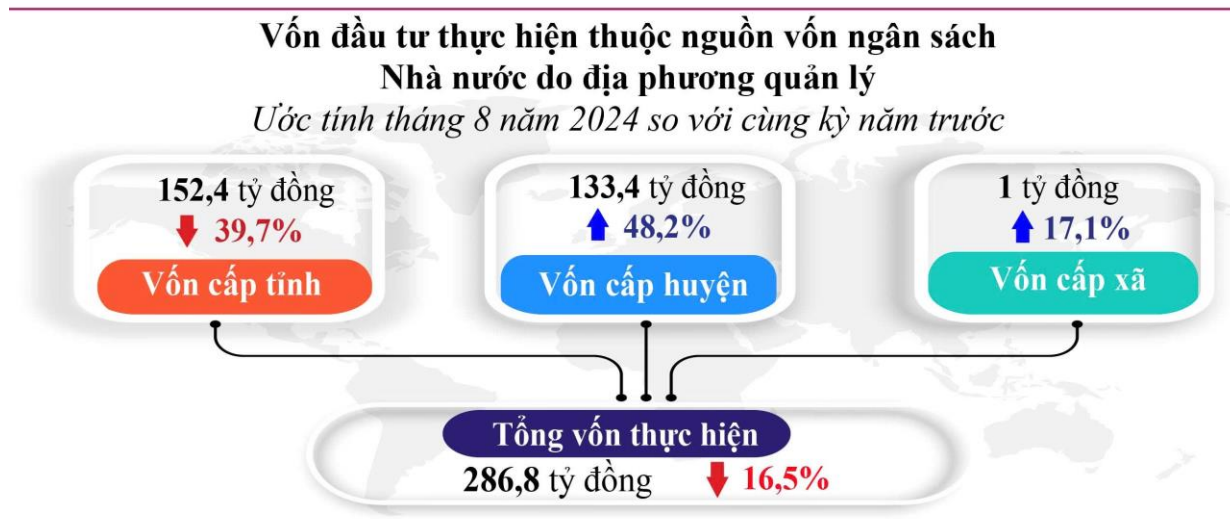
3. Hoạt động của doanh nghiệp

Tính từ đầu năm đến ngày 30/7/2024 trên địa bàn tỉnh có 293 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 12,3%; tổng số vốn đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp 1.999,8 tỷ đồng, giảm 51,9%; vốn đăng ký bình quân 01 doanh nghiệp đạt 6,8 tỷ đồng/doanh nghiệp, giảm 45,2%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 25 doanh nghiệp, giảm 24,2%; số doanh nghiệp đã được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận hồ sơ tạm ngừng kinh doanh là 233 doanh nghiệp, tăng 65,2% và số lượng doanh nghiệp tự nguyện đăng ký giải thể và đã hoàn tất thủ tục giải thể là 87 doanh nghiệp, tăng 42,6% so cùng với kỳ năm trước.

4. Đầu tư

Hiện nay các chủ đầu tư, nhà thầu tiếp tục thi công các dự án, công trình chuyển tiếp và các công trình mới khởi công trong năm 2024.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 8/2024 ước thực hiện 286,8 tỷ đồng, giảm 16,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 152,4 tỷ đồng, giảm 39,7%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 133,4 tỷ đồng, tăng 48,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 1 tỷ đồng, tăng 17,1%.



Lũy kế 8 tháng năm 2024 vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện 1.969,5 tỷ đồng, giảm 19,5%, trong đó: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 1.067,8 tỷ đồng, giảm 38,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 894,7 tỷ đồng, tăng 25,6%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 7 tỷ đồng, giảm 1,4%.

Nhiều dự án lớn đã hoàn thành trong năm trước như: Sửa chữa nâng cấp công trình Chính trị cửa sông Đà Nông (giai đoạn 1); Trường Chính trị tỉnh Phú Yên; Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã An Hòa Hải, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai;... Hiện nay tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp như: Đầu tư xây dựng Bệnh viện sản nhi tỉnh Phú Yên; Kè chống xói lở bờ biển Xóm Rớ, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, (giai đoạn 3); Kè chống sạt lở bờ sông Ba khu vực thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, khu vực thôn Phú Sen, huyện Phú Hòa và khu vực phường 6 TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Dự án Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Góc (Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối Quốc lộ 1A đi Khu kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa); Kè chống sạt lở bờ tả Sông Ba kết hợp với phát triển hạ tầng đô thị đoạn qua thôn Vĩnh Phú;... Trong những tháng đầu năm 2024 đã khởi công mới Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn phía Bắc Cầu An Hải, huyện Tuy An (tổng mức đầu tư 659 tỷ đồng); Dự án Hồ Suối Cái, huyện Phú Hòa (tổng mức đầu tư 487 tỷ đồng); Đầu tư hệ thống tuyến ống thu gom nước thải tại một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Tuy Hòa (tổng mức đầu tư 126 tỷ đồng), tuy nhiên khối lượng thực hiện vẫn còn thấp so với kế hoạch ...

Tính đến hết ngày 31/7/2024 vốn đầu tư công năm 2024 đã giải ngân 808,9 tỷ đồng, bằng 17,9% kế hoạch năm, trong đó: Vốn nước ngoài (ODA) chưa giải ngân.

5. Tài chính, Ngân hàng

5.1. Tài chính

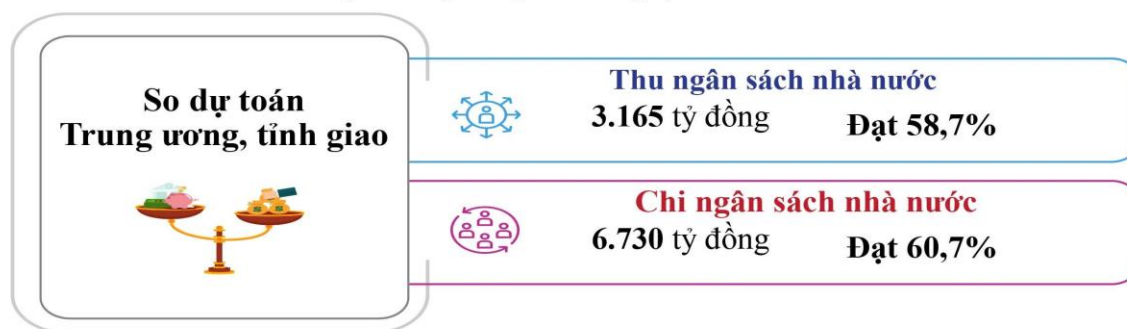
- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh, tính từ đầu năm đến ngày 15/8/2024 là 3.165 tỷ đồng, đạt 58,7% dự toán trung ương (DTTW) giao và Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quyết định, tăng 54,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Thu nội địa là 3.113 tỷ đồng, đạt 58,4% DTTW giao và HĐND tỉnh quyết định, tăng 54,6% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, xố số kiến thiết là 1.838 tỷ đồng, đạt 65,8% DTTW giao và HĐND tỉnh quyết định, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Thuế xuất nhập khẩu là 52 tỷ đồng, đạt 89,0% DTTW giao và dự toán HĐND tỉnh quyết định, tăng 31,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 15/8/2024 là 6.730 tỷ đồng, đạt 60,7% DTTW giao và HĐND tỉnh quyết định (trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.811 tỷ đồng, chi thường xuyên 3.918 tỷ đồng).

Thu, chi ngân sách Nhà nước Lũy kế thực hiện đến ngày 15/8/2024



5.2. Ngân hàng

Các TCTD trên địa bàn tiếp tục duy trì điều chỉnh mức lãi suất huy động⁽²⁾ và lãi suất cho vay⁽³⁾ theo quy định của NHNN Việt Nam và hướng dẫn của Hội sở chính từng đơn vị để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân.

Tổng nguồn huy động vốn trên địa bàn tính đến 31/7/2024 đạt 43.217 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cuối năm 2023. Ước đến 31/8/2024 đạt 43.152 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cuối năm 2023. Trong đó: Tiền gửi huy động từ các khu vực 42.890 tỷ đồng, tăng 3,3%.

Tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tính đến 31/7/2024 đạt 51.744 tỷ đồng, tăng 3,9% so với cuối năm 2023. Ước đến 31/8/2024 tổng dư nợ cho vay 52.044 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cuối năm 2023. Trong đó: Cho vay bằng VND chiếm 98,72% tổng dư nợ; cho vay ngắn hạn chiếm 64,09% tổng dư nợ.

Đến ngày 31/7/2024, nợ xấu trên toàn địa bàn chiếm tỷ lệ 0,81% trên tổng dư nợ, hầu hết các TCTD đều đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức cho phép (<3%). Ước đến ngày 31/8/2024, nợ xấu chiếm tỷ lệ khoảng 0,74% tổng dư nợ toàn địa bàn.

Hoạt động ngân hàng trên toàn tỉnh Ước đến ngày 31/8/2024 so với cuối năm 2023



Công tác tháo gỡ khó khăn, nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho khách hàng

- Về chương trình tín dụng 30.000 tỷ đồng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản: Đến ngày 31/7/2024, doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình đạt khoảng 687,13 tỷ đồng với 77 lượt khách hàng, dư nợ cho vay khoảng 262,03 tỷ đồng.

- Cơ cấu thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2021/TT-NHNN ngày 18/6/2024): tính đến ngày 30/6/2024, các NHTM trên địa bàn đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 10 lượt khách hàng (03 doanh

² Lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,1% - 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 tháng; 1,5% - 4,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng năm (theo Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023); đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, lãi suất huy động bình quân ở mức 3,83% - 4,65% (giảm từ 0,1 - 1,1%/năm so với đầu năm 2024); đối với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên, lãi suất bình quân ở mức 4,62% - 5,62%/năm (giảm từ 0,1 - 1,3%/năm so với đầu năm 2024). Lãi suất huy động USD 0%/năm.

³ Lãi suất cho vay VND: Đối với các lĩnh vực ưu tiên, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 4%/năm (theo Quyết định số 1125/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023); đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường lãi suất cho vay bình quân từ 6,39% - 10,16%/năm đối với ngắn hạn; từ 8,09% - 11,23%/năm đối với trung dài hạn (giảm từ 0,1 - 1,85%/năm so với đầu năm 2024). Đối với lĩnh vực cho vay tiêu dùng lãi suất cho vay bình quân từ 8,24% - 11,90%/năm đối với ngắn hạn, từ 8,14% - 11,87%/năm đối với trung dài hạn (giảm từ 0,13 - 2,0%/năm so với đầu năm 2024). Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,5% - 10%/năm đối với ngắn hạn và 4,5% - 11,5%/năm đối với trung dài hạn.

ng nghiệp và 07 cá nhân) với tổng giá trị nợ gốc và lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khoảng 131,85 tỷ đồng.

- Điều chỉnh giảm lãi suất huy động và cho vay tại tất cả các kỳ hạn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân phục hồi phát triển sản xuất kinh doanh. Trong 7 tháng đầu năm 2024 lãi suất liên tục giảm so với cuối năm 2023 bình quân giảm từ 0,1-2,0%/năm.

- Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa NHNN Chi nhánh và các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn⁽⁴⁾, kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc của khách hàng từ các Hiệp hội để hỗ trợ tháo gỡ, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận vốn ngân hàng.

6. Thương mại, giá cả, dịch vụ

Tháng 8/2024, hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các ngành dịch vụ. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh cá thể, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ tiếp tục đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, đáp ứng tốt nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Hàng hóa phong phú về mẫu mã chủng loại, không có hiện tượng khan hiếm hàng hóa gây sốt giá trên địa bàn tỉnh. Tháng này, chuỗi các chương trình, sự kiện của Kế hoạch kích cầu thu hút khách du lịch hè năm 2024 tiếp tục được diễn ra góp phần làm cho tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, vận tải hành khách của tỉnh tăng khá so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu về vận chuyển hàng hóa nông, lâm, thủy sản và các công trình xây dựng lớn đang triển khai trên địa bàn tăng góp phần làm cho doanh thu và khối lượng vận tải hàng hóa tăng trưởng ổn định. Cục Quản lý thị trường tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các doanh nghiệp góp phần bình ổn thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

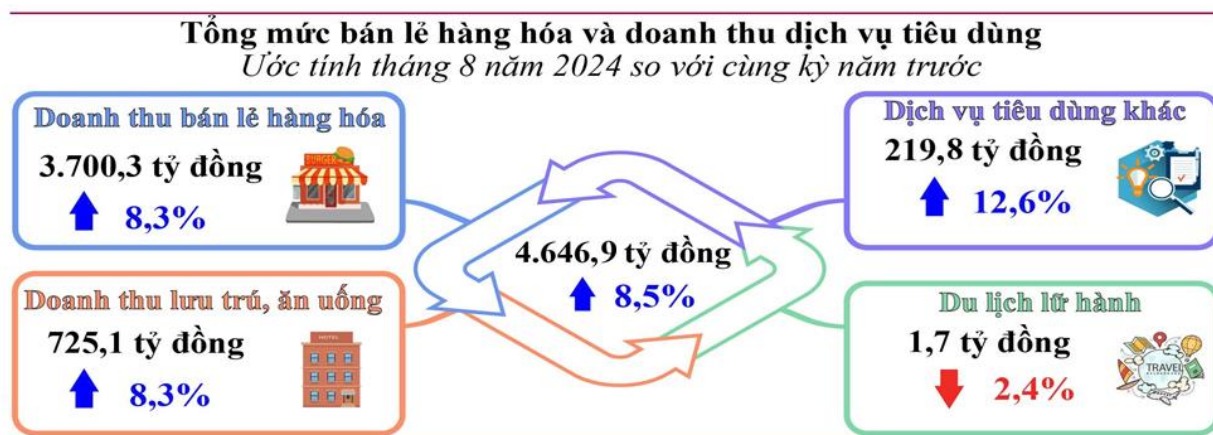
Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8/2024 4.646,9 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu bán buôn hàng hóa 2.410,4 tỷ đồng, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu ngành vận tải, kho bãi 421,4 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 8 tháng năm 2024, dự ước tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 35.809,7 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu bán buôn hàng hóa 18.450,1 tỷ đồng, tăng 10,4%; doanh thu ngành vận tải, kho bãi 3.258,5 tỷ đồng, tăng 10,1%.

6.1. Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

⁴ Quy chế số 265/QCPH-NHNN-HHDN-HNDN-HDNT ngày 17/3/2023.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 8/2024 dự ước 3.700,3 tỷ đồng, tăng 0,6 % so với tháng trước và tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước⁽⁵⁾; doanh thu lưu trú 92,2 tỷ đồng, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu ăn uống 632,9 tỷ đồng, giảm 3,4% so với tháng trước và tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu hoạt động lữ hành 1,7 tỷ đồng, giảm 17,5% so với tháng trước và giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước; tổng doanh thu hoạt động dịch vụ khác 219,8 tỷ đồng, tăng 5,6% so với tháng trước và tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước⁽⁶⁾.



Tính chung 8 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa dự ước 28.499,6 tỷ đồng, tăng 9,9%⁽⁷⁾; doanh thu lưu trú 601,6 tỷ đồng, tăng 21,1%; doanh thu ăn uống 4.822 tỷ đồng, tăng 9,7%; doanh thu hoạt động lữ hành 10,7 tỷ đồng, tăng 82,2%; tổng doanh thu hoạt động dịch vụ khác 1.875,8 tỷ đồng, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước.

Lượt khách do các đơn vị lưu trú phục vụ tháng 8 dự ước đạt 237.112 lượt khách, giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 11% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, có 177.755 lượt khách ngủ qua đêm, giảm 0,1% so với tháng trước nhưng tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước, với 2.283 lượt khách quốc tế, tăng 5% và tăng 19,8%). Tính chung 8 tháng đạt 1.657.060 lượt khách, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, có 1.249.673 lượt khách ngủ qua đêm, tăng 20,3%, với 15.549 lượt khách quốc tế, tăng 55,6%).

6.2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2024 tăng 0,11% so tháng trước, trong đó:

⁵ Một số nhóm hàng tăng khá so với cùng kỳ năm trước: Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) 63,6 tỷ đồng, tăng 24,6% do áp dụng chính sách giảm 50% thuế trước bạ; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác 60,9 tỷ đồng, tăng 18,5%; hàng hoá khác 106,9 tỷ đồng, tăng 18%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục 44,7 tỷ đồng, tăng 15,4%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm 53,2 tỷ đồng, tăng 14,6%; hàng may mặc 169 tỷ đồng, tăng 13,4%; lương thực, thực phẩm 2175,7 tỷ đồng, tăng 12,2% do sức mua tăng.

⁶ Trong đó: Doanh thu bất động sản 22,3 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước trước nhờ nhu cầu về thuê máy móc thiết bị phục vụ các công trình xây dựng, thuê xe du lịch, dịch vụ liên hoan, hội nghị tăng; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 25 tỷ đồng, tăng 17,9% do nhu cầu về cho thuê giàn giáo, máy móc thiết bị cho các sự kiện, công trình xây dựng, cho thuê xe du lịch, dịch vụ liên hoan...; dịch vụ giáo dục và đào tạo 14,8 tỷ đồng, tăng 16,8%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 15,8 tỷ đồng, tăng 15,2%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí 64,1 tỷ đồng, tăng 14,9%; dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình 23,1 tỷ đồng, tăng 17,1%; dịch vụ khác 54,7 tỷ đồng, tăng 2,2%.

⁷ Một số nhóm ngành hàng tăng khá so với cùng kỳ năm trước như: Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác 465,4 tỷ đồng, tăng 13,4%; lương thực, thực phẩm 16.686,6 tỷ đồng, tăng 13,2%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) 143,3 tỷ đồng, tăng 12,3%; vật phẩm, văn hoá, giáo dục 302,3 tỷ đồng, tăng 11,5%; Riêng có 1 nhóm ngành giảm: Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) 367,8 tỷ đồng, giảm 3,9%; do sức mua thấp.

+ 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng: Đồ uống và thuốc lá tăng 1,83% (tác động làm CPI chung tăng 0,08%); nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,85%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,69% (tác động làm CPI chung tăng 0,12%); thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,82%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,11%; giáo dục tăng 0,11%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,4%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,34%; nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng, sử dụng dịch vụ cao, chi phí sản xuất tăng (đồ uống, thiết bị và đồ dùng gia đình).

+ 2/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Giao thông giảm 2,19% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu diesel (xăng giảm 5,49%; dầu diesel giảm 6,95%); bưu chính viễn thông giảm 0,71% do các cửa hàng áp dụng chương trình giảm giá khuyến mãi để kích cầu nên giá điện thoại di động thông minh, máy tính bảng,... giảm.

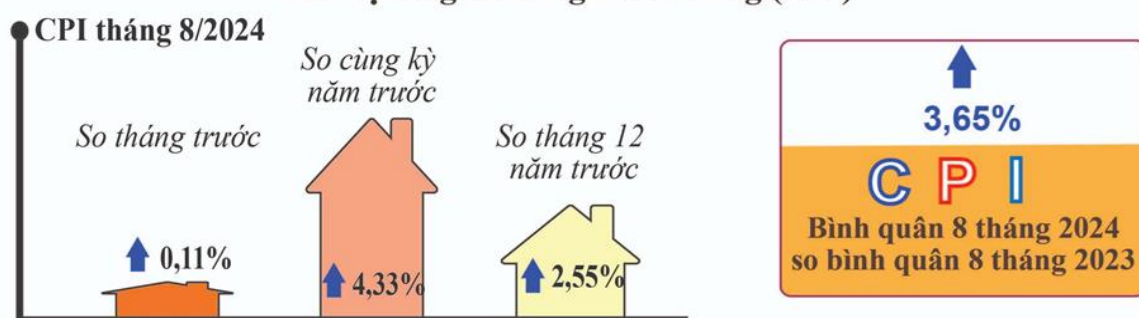
+ 1/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có giá không đổi so với tháng trước là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống do một số mặt hàng tăng giá do nguồn cung ít trong khi nhu cầu tiêu dùng ổn định (gạo tẻ ngon, gạo nếp; khoai; rau tươi, khô và chế biến, quả tươi, chế biến), đồng thời có một số mặt hàng giảm giá do ảnh hưởng giá lợn hơi thị trường thu mua giảm nhẹ, nguồn cung dồi dào (thịt gia cầm, trứng tươi, cá, tôm,...); chỉ số giá nhóm ăn, uống ngoài gia đình; đồ ăn nhanh mang đi không đổi.

So với cùng kỳ năm trước chỉ số giá tiêu dùng tháng 8/2024 tăng 4,33%, cụ thể: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,23% (trong đó: Lương thực tăng 10,45%, thực phẩm tăng 4,02%, ăn uống ngoài gia đình tăng 2,06%); nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 5,59%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 3,09%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 9,35%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,75%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,95%; giao thông giảm 2,23%; bưu chính viễn thông giảm 0,67%; giáo dục tăng 0,93%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,59%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 7,11%.

So tháng 12 năm trước chỉ số giá tiêu dùng tháng 8/2024 tăng 2,55%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 8 tháng năm 2024 tăng 3,65% so bình quân cùng kỳ năm trước, cụ thể: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,72%, trong đó: Lương thực tăng 14,34%, thực phẩm tăng 2,6%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,02%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,3%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,82%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 8,17%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,96%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,98%; giao thông tăng 1,53%; bưu chính viễn thông tăng 0,19%; giáo dục giảm 7,04%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,96%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,39%.

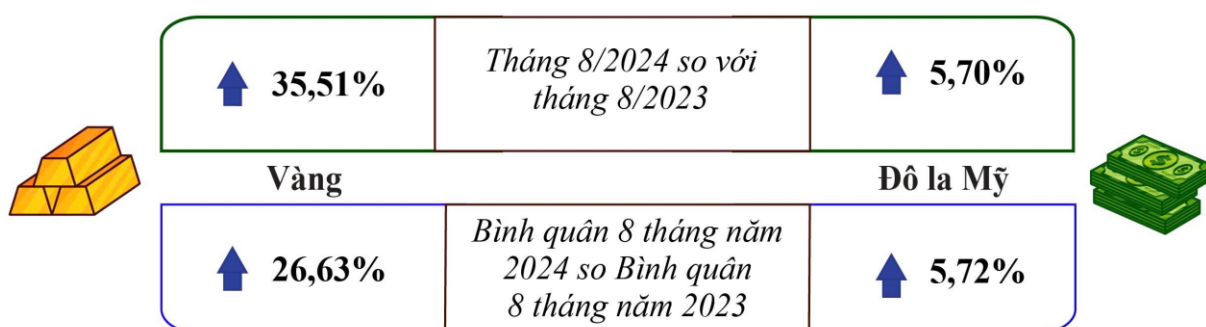
Tốc độ tăng Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)



Giá vàng 99,99 bình quân tháng 8/2024 là 7.655.000 đồng/chỉ; so tháng trước tăng 1,97%; so cùng kỳ năm trước tăng 35,51%; so tháng 12 năm trước tăng 25,62%. Giá vàng 99,99 bình quân 8 tháng năm 2024 là 7.029.000đồng/chỉ so bình quân cùng kỳ năm trước tăng 26,63%.

Giá Đô la Mỹ bình quân tháng 8/2024 là 25.269 VND/USD; so tháng trước giảm 0,75%; so cùng kỳ năm trước tăng 5,7%; so tháng 12 năm trước tăng 3,48%. Giá Đô la Mỹ bình quân 8 tháng năm 2024 là 25.097VND/USD so bình quân cùng kỳ năm trước tăng 5,72%.

Tốc độ tăng Chỉ số giá vàng, giá Đô la Mỹ

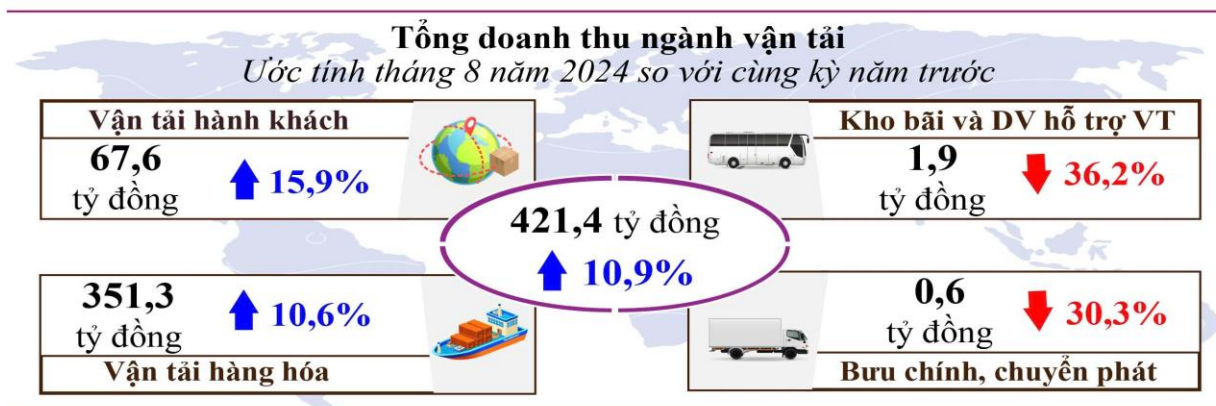


6.3. Giao thông vận tải

Công tác quản lý giao thông vận tải tiếp tục được tăng cường, đẩy mạnh, duy trì kiểm soát phương tiện, tải trọng. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải, nhất là vận tải khách, chú trọng nhất là dịp Lễ Quốc khánh 2/9 sắp đến, nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phục vụ tốt nhu cầu đi lại của Nhân dân. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh triển khai nhiều chương trình, kế hoạch khuyến khích phát triển các phương tiện sử dụng năng lượng xanh thân thiện với môi trường. Tiêu biểu, đã ra mắt mô hình Trạm giao thông xanh; triển khai Đề án thí điểm xe chở người 4 bánh có gắn động cơ điện hoạt động một số tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh với 44 phương tiện đang hoạt động. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh đã đưa vào hoạt động 2 hãng taxi điện, với khoảng 184 đầu xe đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

Tổng doanh thu ngành vận tải tháng 8/2024 dự ước 421,4 tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Doanh thu vận tải hành khách 67,6 tỷ đồng, tăng 15,9%; doanh thu vận tải hàng hóa 351,3 tỷ đồng, tăng 10,6%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 1,9 tỷ đồng, giảm 36,2% là do nhu cầu về các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, lai dắt cứu hộ đường bộ...giảm; bưu chính, chuyển phát 0,6 tỷ đồng, giảm 30,3% do nhu cầu của hoạt động dịch vụ giao nhận hàng hóa, thư, bưu thiếp, bưu phẩm, bưu kiện... giảm. Tính chung 8 tháng, tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi dự ước 3.258,5 tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong tháng 8/2024, khối lượng hành khách vận chuyển đường bộ dự ước 803,8 ngàn lượt khách, tăng 4,3%; khối lượng hành khách luân chuyển đường bộ 75.573,6 ngàn lượt khách.km, tăng 8,7%; khối lượng hàng hóa vận chuyển đường bộ 989,6 ngàn tấn, tăng 7,6%; khối lượng hàng hoá luân chuyển đường bộ 86.950,6 ngàn tấn.km, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước.



Vận tải hàng không: Lượng hành khách qua Cảng hàng không Tuy Hòa trong tháng đạt 40.093 lượt khách, lũy kế 8 tháng đạt 237.136 lượt khách, giảm 29,7% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải đường sắt: Lượng hành khách lên tàu tại các Ga trên địa bàn tỉnh trong tháng đạt 19.998 lượt khách, lũy kế 8 tháng đạt 107.055 lượt khách, tăng 21,1% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải đường biển: Lượng hàng hóa thông qua cảng Vũng Rô trong tháng đạt 12.000 tấn, lũy kế 8 tháng đạt 109.000 tấn, giảm 23,2% so với cùng kỳ năm trước.

Luồng tuyến vận tải: Đã duy trì hoạt động các tuyến vận tải; đến nay có 40 tuyến vận tải khách liên tỉnh, 05 tuyến nội tỉnh, 04 tuyến vận tải khách công cộng bằng xe buýt; tổng số phương tiện vận tải hành khách 1.189 xe/14.077 ghế (gồm: Xe hoạt động tuyến cố định 98 xe/3.011 ghế, hợp đồng 431 xe/6.922 ghế, xe buýt 15 xe/684 ghế, xe taxi 633 xe/3.268 ghế, 12 xe trung chuyển/192 ghế). Tổng số phương tiện vận tải hàng hóa (đầu kéo, container, xe tải) 2.802 xe/26.143 tấn.

6.4. Xuất, nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 8 dự ước 32,96 triệu USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước, một số mặt hàng xuất khẩu tăng như: Quần áo may sẵn 6 triệu USD, tăng 42,9%; sản phẩm gỗ 2,7 triệu USD, tăng 28,6%; linh kiện điện tử 3,6 triệu USD, tăng 2,9%; kính 0,66 triệu USD, tăng 1,5%; hải sản các loại 15,6 triệu USD, tăng 0,65%, mặt hàng xuất khẩu giảm: Nhân hạt điều 1 triệu USD, giảm 16,7%. Lũy kế 8 tháng ước 231,18 triệu USD, đạt 81,1% kế hoạch năm, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước

Kim ngạch nhập khẩu tháng 8 dự ước 17,9 triệu USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước, một số mặt hàng nhập khẩu tăng như: Hóa chất 4 triệu USD, tăng 66,7%; vải và phụ liệu may mặc 4,5 triệu USD, tăng 55,17%; máy móc thiết bị phụ tùng 2,5 triệu USD, tăng 38,9%. Lũy kế 8 tháng 106,77 triệu USD, đạt 56,2% kế hoạch năm, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước.

7. Một số vấn đề xã hội

7.1. Hoạt động văn hóa, thể thao

Tuyên truyền cổ động trực quan hơn 100 pano các loại nhân kỷ niệm 79 năm Ngày cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2024) và Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2024), kỷ niệm 55 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2024) và 55 năm Ngày mất của

Người (02/9/1969 - 02/9/2024). Tổ chức biểu diễn chương trình “Âm nhạc đường phố” kích cầu, thu hút khách du lịch mùa hè năm 2024 vào tối Chủ Nhật hàng tuần. Biểu diễn 34 buổi tuyên truyền lưu động phục vụ Nhân dân tại các huyện, thị xã trong tỉnh; chiếu 40 buổi chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa thu hút đông đảo người dân tham gia. Tham gia Hội thi diễn xướng dân gian văn hóa các dân tộc năm 2024 do Cục Văn hóa cơ sở tổ chức tại tỉnh Quảng Ngãi.

Bảo tàng tỉnh phục vụ 1.445 lượt khách tham quan (trong đó 1.115 khách là học sinh, sinh viên và 10 khách nước ngoài). Thư viện tỉnh bổ sung sách, báo, tạp chí, cấp thẻ, phục vụ bạn đọc⁽⁸⁾.

Tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh: Giải Vô địch Võ thuật Cổ truyền các lứa tuổi tại huyện Đồng Xuân thu hút 350 VĐV đến từ 25 CLB võ thuật của các địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh; Giải Bóng đá Nhi đồng U10 tỉnh Phú Yên, cúp PVOIL tại huyện Sơn Hòa với sự tham gia của gần 150 VĐV, HLV đến từ 9 huyện, thị xã, thành phố. Đưa các giải thể thao cấp tỉnh về các địa phương có thể mạnh và điều kiện đăng cai, góp phần thúc đẩy sự phát triển phong trào thể dục thể thao ngày càng phát triển sâu rộng trong quần chúng.

Thể thao thành tích cao: Tính đến nay, tham gia thi đấu 02 giải quốc tế, 02 giải miền Trung - Tây Nguyên và 20 giải quốc gia; đạt 65 huy chương các loại⁽⁹⁾. Đội Taekwondo đang thi đấu Giải vô địch Taekwondo các lứa tuổi trẻ quốc gia năm 2024 tại Kiên Giang.

7.2. Y tế, giáo dục

Y tế (Tính đến ngày 19/8/2024)

Sốt xuất huyết: 17 ổ dịch, 236 ca mắc, 1 ca tử vong; so với cùng kỳ năm trước, tăng 2 ổ dịch, số mắc tăng 0,9%, tử vong tăng 1 ca. Lũy kế có 68 ổ dịch, 1.222 ca mắc sốt xuất huyết, 1 ca tử vong; so với cùng kỳ trước, tăng 1 ổ dịch, số mắc tăng 5,3%, tử vong giảm 1 ca.

Bệnh tay chân miệng: Phát hiện 41 ca mắc, không tử vong; so với cùng kỳ năm trước, số mắc giảm 92%. Lũy kế có 199 ca mắc, không tử vong; so với cùng kỳ năm trước, số mắc giảm 68%, tử vong giảm 2 ca.

Sốt rét: không phát hiện ca mắc. Lũy kế có 1 ca mắc, không tử vong; so với cùng kỳ năm trước số mắc giảm 3 ca.

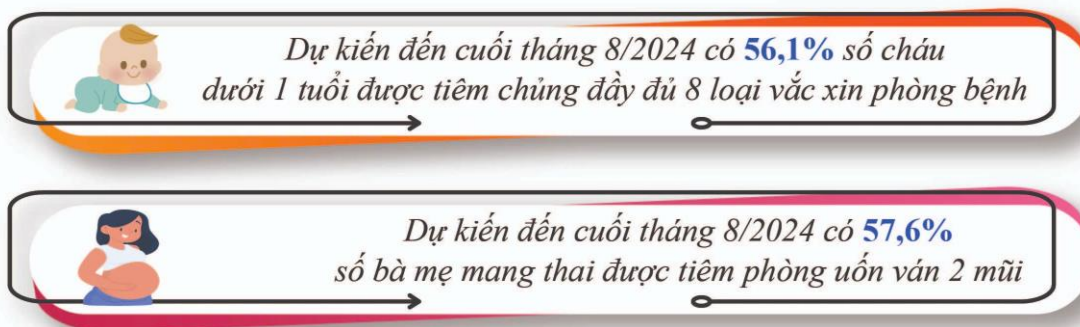


⁸ Cấp và gia hạn 150 thẻ bạn đọc; bổ sung 823 tờ, tạp chí; phục vụ 20.149 lượt bạn đọc, 91.185 lượt tải tài liệu và 1.736 lượt truy cập trang web đơn vị.

⁹ Gồm: giải Quốc tế 03 Huy chương Bạc, giải quốc gia 51 Huy chương (06 HCV, 17 HCB, 28 HCD) và giải khu vực Miền Trung 11 HC (02 HCV, 09 HCD).

Chương trình tiêm chủng mở rộng, dự kiến đến cuối tháng 8/2024 đạt 56,1% số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin phòng bệnh; số bà mẹ mang thai được tiêm phòng uốn ván 2 mũi đạt tỷ lệ 57,6%.

Chương trình tiêm chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh



Tháng 8/2024, đã phát hiện mới 3 trường hợp nhiễm HIV(+). Luỹ tích có 998 ca nhiễm HIV (trong đó 329 bệnh nhân AIDS, 229 bệnh nhân tử vong).

Tăng cường công tác tuyên truyền an toàn vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức: Băng rôn, tờ rơi, phát thanh, truyền hình.... Đã thẩm định và cấp 16 giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh⁽¹⁰⁾.

Giáo dục

Hoàn thành công tác chấm phúc khảo bài thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Công nhận tốt nghiệp THPT năm 2024: 10.195 thí sinh/10.289 thí sinh đăng ký dự thi.

Tổ chức lễ trao tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú lần thứ 16 và tuyên dương, khen thưởng giáo viên, học sinh giỏi, xuất sắc năm học 2023-2024⁽¹¹⁾. Tại buổi lễ, nhiều công ty, doanh nghiệp đã trao quà, học bổng cho học sinh có thành tích xuất sắc với số tiền hơn 359 triệu đồng.

Tổ chức hội nghị tổng kết năm học 2023-2024 và triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025.

7.3. Trật tự an toàn xã hội - cháy, nổ

Theo số liệu thống kê, tai nạn giao thông trong tháng 8/2024 tăng số vụ, số người chết và giảm số người bị thương so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Từ ngày 15/7/2024 đến 14/8/2024, toàn tỉnh đã xảy ra 27 vụ tai nạn giao thông, tăng 4 vụ; làm chết 17 người, tăng 5 người; bị thương 14 người, giảm 2 người so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 69,3 triệu đồng. Trong tháng chỉ xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

¹⁰ Đã kiểm tra 21 cơ sở, chuyển Thanh tra Sở Y tế xử lý vi phạm 02 cơ sở số tiền 12 triệu đồng đồng. Thực hiện 02 đợt giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ Hội nghị Đào tạo - Chỉ đạo tuyến năm 2024 và Hội thảo Phát triển Dược liệu biên Việt Nam, kết quả đảm bảo an toàn thực phẩm, không có trường hợp ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trong 02 đợt giám sát đảm bảo ATTP.

¹¹ Trao danh hiệu Nhà giáo ưu tú cho 8 nhà giáo; trao bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho 20 học sinh giỏi đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia; bằng khen UBND tỉnh cho 15 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia, 4 giáo viên có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh đạt giải cao tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia năm học 2023-2024;...

Tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh
Từ ngày 15/7/2024 - 14/8/2024 so với cùng kỳ năm trước



Lũy kế đến 14/8/2024, toàn tỉnh đã xảy ra 171 vụ tai nạn giao thông, giảm 6 vụ; làm chết 103 người, giảm 9 người; bị thương 110 người, giảm 21 người so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 2.598,9 triệu đồng. Trong đó, tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 167 vụ, giảm 7 vụ; làm chết 98 người, giảm 11 người; bị thương 110 người, giảm 21 người bị thương so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 2.582,9 triệu đồng. Tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 4 vụ, làm chết 5 người, so với cùng kỳ năm trước tăng 1 vụ, tăng 2 người chết và bằng số người bị thương; thiệt hại tài sản 16 triệu đồng.

Từ ngày 15/7/2024 đến 14/8/2024 toàn tỉnh xảy ra 1 vụ cháy rừng trồng keo của doanh nghiệp, thiệt hại khoảng 1,5 ha rừng trồng keo. Lũy kế đến 14/8/2024 toàn tỉnh xảy ra 11 vụ cháy, thiệt hại khoảng 480 triệu đồng, 255 m² nhà xưởng, 24,4 ha mía, 10,72 ha rẫy keo và một số tài sản khác của người dân.

7.4. Vi phạm môi trường - thiên tai

Từ ngày 18/7/2024 đến ngày 17/8/2024 các lực lượng chức năng đã phát hiện 10 vụ vi phạm môi trường, lập biên bản xử lý vi phạm 4 vụ, phạt tiền 416,15 triệu đồng; so với tháng trước, tăng 3 vụ vi phạm đã phát hiện, tăng 3 vụ vi phạm đã xử lý, tăng 96,15 triệu đồng số tiền xử phạt; so với cùng kỳ năm trước giảm 4 vụ vi phạm đã phát hiện, giảm 6 vụ vi phạm đã xử lý, tăng 408,65 triệu đồng số tiền xử phạt. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh phát hiện 86 vụ vi phạm môi trường, lập biên bản xử lý vi phạm 40 vụ, phạt tiền 4.491,26 triệu đồng; lũy kế so cùng kỳ, giảm 29 vụ vi phạm đã phát hiện, giảm 16 vụ vi phạm đã xử lý, tăng 4.410,01 triệu đồng số tiền xử phạt.

Từ ngày 19/7/2024 đến 18/8/2024 trên địa bàn tỉnh không phát sinh thiên tai; tháng trước và cùng kỳ không phát sinh thiên tai. Lũy kế đến 18/8/2024 xảy ra 1 vụ thiên tai, giá trị thiệt hại 49.900 triệu đồng; Lũy kế so với cùng kỳ năm trước, tương đương số vụ thiên tai, tăng giá trị thiệt hại 39.249,7 triệu đồng (gấp 4,68 lần).

7.5. Các chính sách an sinh xã hội

Trung tâm Dịch vụ việc làm Tư vấn nghề - việc làm 1.771 lượt người; giới thiệu việc làm cho 600 lao động đến các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh thuộc các thành phần kinh tế. Trong tháng đã tiếp nhận 589 hồ sơ hưởng BHTN và có quyết định hưởng BHTN cho 585 trường hợp hưởng trợ cấp Bảo hiểm thất nghiệp. Hỗ trợ đào tạo nghề cho 24 người.

Thăm và tặng quà cho các thương bệnh binh, thân nhân liệt sĩ tiêu biểu tại các địa phương, kết quả: Quà Chủ tịch nước 15.633 suất, số tiền 4.727,4 triệu đồng; quà cấp tỉnh 17.747 suất, số tiền 7.400,5 triệu đồng; quà cấp huyện 14.715 suất, số tiền 3.340 triệu đồng; quà cấp xã 9.478 suất, số tiền 815,61 triệu đồng. Ban Tuyên giáo tỉnh Hải Dương tặng quà cho 100 đại biểu người có công, thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên với số tiền 100 triệu đồng.

Tổ chức 01 lớp tập huấn công tác trẻ em cho cán bộ làm công tác trẻ em các cấp tại huyện Phú Hòa.

Tổ chức truyền thông nâng cao kỹ năng tự vệ cho 900 học sinh THCS tại 07 điểm trên địa bàn huyện Tây Hoà và xã Hoà Kiến, TP. Tuy Hòa.

Tổ chức 02 chương trình "Mùa hè cho em" tại huyện Sơn Hòa và huyện Đồng Xuân, kết nối trao tặng 500 phần quà cho 500 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tổng giá trị 146 triệu đồng./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp và PBTTTK-TCTK (b/c);
- Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Cao Đăng Viễn

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng báo cáo

	Thực hiện đến ngày 15 tháng 8 năm 2023	Thực hiện đến ngày 15 tháng 8 năm 2024	Ngày 15/8/2024 so cùng kỳ 2023 (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)			
Lúa			
Lúa đông xuân	26.723,3	26.630,6	99,7
Lúa hè thu	24.764,7	24.740,8	99,9
Lúa mùa	1.150,0	1.164,0	101,2
Các loại cây khác (Ha)			
Ngô	2.918,2	2.865,2	98,2
Khoai lang	55,8	50,2	90,0
Mía	17.030,1	18.531,7	108,8
Lạc (đậu phụng)	410,5	504,2	122,8
Đậu tương (đậu nành)	77,9	41,5	53,3
Rau các loại	5.607,2	5.432,5	96,9
Đậu các loại	1.555,6	1.182,1	76,0
Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)			
Lúa			
Lúa đông xuân	197.983,1	205.375,4	103,7
Lúa hè thu	3.030,3	3.102,0	102,4
Lúa mùa	-	-	-
Các loại cây khác			
Ngô	12.053,6	11.894,0	98,7
Khoai lang	504,7	495,0	98,1
Mía	922.429,8	952.846,0	103,3
Sắn	360.587,0	352.874,0	97,9
Lạc (đậu phụng)	794,9	1.086,9	136,7
Đậu tương (đậu nành)	113,5	63,2	55,7
Rau các loại	74.111,5	72.468,1	97,8
Đậu các loại	2.050,0	1.660,2	81,0

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8 năm 2024

<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Thực hiện tháng 7/2024 so với tháng 7/2023	Ước tính tháng 8/2024 so với tháng 7/2024	Ước tính tháng 8/2024 so với tháng 8/2023	Cộng dồn 8 tháng/2024 so với 8 tháng/2023
Toàn ngành công nghiệp	105,7	99,4	106,3	107,2
Khai khoáng	108,8	98,7	106,4	108,0
Khai khoáng khác	108,8	98,7	106,4	108,0
Công nghiệp chế biến, chế tạo	105,7	99,5	106,0	107,3
Sản xuất chế biến thực phẩm	140,3	106,5	118,3	118,9
Sản xuất đồ uống	97,5	98,9	104,2	92,2
Sản xuất trang phục	121,9	107,1	107,7	115,0
Chê biên gỗ và SX sản phẩm từ gỗ tre, nứa	104,8	102,2	106,8	111,8
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	106,7	90,7	117,5	117,3
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	105,3	66,8	110,8	84,6
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	85,2	128,7	107,6	99,7
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn	111,1	102,4	115,6	118,6
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	140,3	94,0	106,9	115,5
Sản xuất và phân phối điện, hơi nước	105,2	98,7	107,9	106,9
Sản xuất, phân phối điện, hơi nước	105,2	98,7	107,9	106,9
Cung cấp nước; quản lý và xử lý rác thải	110,1	101,8	109,6	109,1
Cung cấp nước; quản lý và xử lý rác thải	110,1	101,8	109,6	109,1

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 8 năm 2024

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)
Tên Sản phẩm						
- Đá xây dựng các loại	M ³	87.257	86.947		107,0	108,6
- Hải sản các loại	Tấn	1.972	1.835	12.421	115,1	116,0
- Đường kết tinh các loại	Tấn	-	-	165.512	-	111,2
- Nước mắm các loại	Nghìn lít	1.963	1.828	14.145	103,7	103,9
- Nước đá các loại	Tấn	62.589	63.254	455.099	104,7	105,1
- Bia các loại	Nghìn lít	3.804	3.795	29.715	101,3	93,1
- Nhân hạt điều các loại	Tấn	1.858	1.628	13.325	107,4	106,9
- Quần áo các loại	Nghìn SP	1.762	1.638	12.872	105,6	114,0
- Tinh bột sắn	Tấn	-	2.500	57.195	104,2	141,6
- Thuốc viên các loại	Triệu viên	215	205	1.596	105,1	98,2
- Ván lạng gỗ các loại	Tấn	755	658	6.358	109,5	103,7
- Viên nén các loại	M ³	856	935	6.465	103,7	105,6
- Dăm gỗ các loại	Tấn	10.965	11.056	93.614	109,1	111,0
- Mây tre lá các loại	Nghìn SP	41	39	326	97,5	101,6
- Trang in các loại	Triệu trang	234	196	1.625	106,5	103,8
- Xi măng các loại	Tấn	5.398	6.500	41.342	93,4	89,8
- Phân bón các loại	Tấn	5.422	5.168	34.975	109,4	107,4
- Điện sản xuất	Nghìn kwh	257.584	239.859	1.749.827	105,3	105,2
- Điện thương phẩm	Nghìn kwh	107.825	108.057	768.242	108,0	109,6
- Nước uống được	Nghìn m ³	1.378	1.370	10.118	106,4	105,9
- Linh kiện điện tử các loại	Triệu SP	80	79	604	106,8	107,7

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước
do địa phương quản lý tháng 8 năm 2024

Triệu đồng					
	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2024 so với kế hoạch năm 2024 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)
TỔNG SỐ	269.699	286.778	1.969.507	43,6	80,5
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	153.410	152.370	1.067.838		61,8
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	87.780	89.200	532.599	34,2	80,9
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	53.600	46.350	265.798	20,7	54,3
Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	62.600	60.500	506.809	45,7	51,5
Vốn nước ngoài (ODA)	-	-	-	-	-
Xổ số kiến thiết	3.030	2.670	28.430	20,5	38,3
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	115.499	133.358	894.728	60,7	125,6
Vốn cân đối ngân sách huyện	111.469	127.758	861.290	63,5	136,8
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	66.089	62.808	519.196	43,3	112,8
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	4.030	5.600	33.438	32,8	40,4
Vốn khác	-	-	-	-	-
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	790	1.050	6.941	-	98,6
Vốn cân đối ngân sách xã	790	1.050	6.941	-	98,6
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	790	1.050	6.276	-	89,2
Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá tháng 8 năm 2024*Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)
Tổng số	3.677.467,7	3.700.287,2	28.499.643,9	108,3	109,9
Phân theo nhóm hàng					
Lương thực, thực phẩm	2.155.473,0	2.175.738,0	16.686.574,5	112,2	113,2
Hàng may mặc	166.681,6	168.992,4	1.303.510,6	113,4	107,9
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	362.033,1	363.598,7	2.850.817,1	100,3	102,8
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục	44.476,6	44.740,4	302.316,2	115,4	111,5
Gỗ và vật liệu xây dựng	245.836,0	257.023,1	2.090.056,7	92,9	107,4
Ô tô con (loại dưới 9 chỗ ngồi trở xuống)	68.265,0	63.584,0	367.811,9	124,6	96,1
Phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng)	132.903,4	114.871,3	926.117,4	107,4	109,0
Xăng dầu các loại	277.259,4	273.631,9	2.186.624,5	95,6	105,4
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	16.709,1	17.140,8	143.278,3	103,2	112,3
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	53.657,1	53.153,5	441.733,8	114,6	102,0
Hàng hóa khác	93.761,4	106.912,0	735.417,0	118,0	104,2
Doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	60.412,1	60.901,2	465.385,8	118,5	113,4

6. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác tháng 8 năm 2024

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng 7 năm 2024	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	747.837,9	725.120,6	5.423.562,6	108,3	110,9
Dịch vụ lưu trú	92.484,9	92.190,0	601.546,8	112,2	121,1
Dịch vụ ăn uống	655.353,0	632.930,6	4.822.015,8	107,7	109,7
Du lịch lữ hành	2.098,9	1.731,1	10.677,6	97,6	182,2
Dịch vụ khác	208.128,3	219.742,6	1.875.785,6	112,6	122,8

7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 8 năm 2024

	Tháng 8 năm 2024 so với				%
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 8 năm 2023	Tháng 12 năm 2023	Tháng 7 năm 2024	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	118,57	104,33	102,55	100,11	103,65
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	120,37	104,23	102,53	100,00	103,72
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	134,73	110,45	101,65	100,04	114,34
Thực phẩm	119,16	104,02	102,96	99,99	102,60
Ăn uống ngoài gia đình	117,36	102,06	101,88	100,00	102,02
Đồ uống và thuốc lá	120,87	105,59	103,88	101,83	103,30
May mặc, mũ nón và giày dép	119,15	103,09	101,50	100,85	102,82
Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	127,93	109,35	105,42	100,69	108,17
Thiết bị và đồ dùng gia đình	119,15	102,75	102,46	100,82	101,96
Thuốc và dịch vụ y tế	112,95	109,95	100,23	100,11	109,98
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	<i>113,44</i>	<i>111,29</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>	<i>111,29</i>
Giao thông	111,78	97,77	100,40	97,81	101,53
Bưu chính viễn thông	101,68	99,33	100,02	99,29	100,19
Giáo dục	109,10	100,93	100,37	100,11	92,96
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	<i>108,32</i>	<i>100,87</i>	<i>100,27</i>	<i>100,00</i>	<i>91,94</i>
Văn hoá, giải trí và du lịch	108,97	101,59	101,04	100,40	101,96
Hàng hóa và dịch vụ khác	127,21	107,11	106,39	100,34	106,39
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	196,64	135,51	125,62	101,97	126,63
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,54	105,70	103,48	99,25	105,72

**8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; bưu chính, chuyển phát
tháng 8 năm 2024**

Triệu đồng

	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so với tháng 7 năm 2024 (%)	Tháng 8 năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ năm 2023
Tổng số	421.440,1	3.258.461,0	101,9	110,9	110,1
Vận tải hành khách	67.554,1	532.860,9	101,0	115,9	118,5
Đường bộ	67.554,1	532.860,9	101,0	115,9	118,5
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	351.342,6	2.704.503,2	102,1	110,6	110,1
Đường bộ	351.342,6	2.704.503,2	102,1	110,6	110,1
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.908,1	15.509,7	97,4	63,8	33,8
Bưu chính, chuyển phát	635,3	5.587,2	107,3	69,7	80,3

9. Vận tải hành khách và hàng hóa tháng 8 năm 2024

	Ước tính tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so với tháng 7 năm 2024 (%)	Tháng 8 năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển hành khách (Nghìn hành khách)	803,8	6.488,5	111,3	104,3	103,2
Đường bộ	803,8	6.488,5	111,3	104,3	103,2
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển hành khách (Nghìn HK.Km)	75.573,6	585.694,1	107,8	108,7	112,7
Đường bộ	75.573,6	585.694,1	107,8	108,7	112,7
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển hàng hóa (Nghìn tấn)	989,6	7.895,8	101,7	107,6	103,7
Đường bộ	989,6	7.895,8	101,7	107,6	103,7
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển hàng hóa (Nghìn tấn.Km)	86.950,6	667.157,4	101,4	111,6	113,6
Đường bộ	86.950,6	667.157,4	101,4	111,6	113,6
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường hàng không	-	-	-	-	-

10. Trật tự, an toàn xã hội tháng 8 năm 2024

	Đơn vị tính	Sơ bộ tháng 8 năm 2024	Cộng dồn 8 tháng năm 2024	Tháng 8 năm 2024 so với tháng 7 năm 2024 (%)	Tháng 8 năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)	8 tháng năm 2024 so cùng kỳ 2023 (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	27	171	225,0		96,6
Đường bộ	"	27	167	245,5	117,4	96,0
Đường sắt	"	-	4	-	-	133,3
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	17	103	188,9	141,7	92,0
Đường bộ	"	17	98	212,5	141,7	89,9
Đường sắt	"	-	5	-	-	166,7
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	14	110	350,0	87,5	84,0
Đường bộ	"	14	110	350,0	87,5	84,0
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	1	11	100,0	-	550,0
Số người chết	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị thiệt hại	Triệu đồng	-	1.172,4	-	-	76,6